

UBND PHƯỜNG HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG TH NGUYỄN DU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /QĐ-THND

Văn Quán, ngày 08 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách quý IV năm 2025 của trường TH Nguyễn Du

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính “Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ”; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ
- Căn cứ tình hình đối chiếu thực hiện ngân sách tại kho bạc quý IV năm 2025 của trường TH Nguyễn Du.
- Xét đề nghị của bộ phận kế toán, tài vụ trường TH Nguyễn Du.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách quý IV năm 2024 của trường TH Nguyễn Du

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng kế toán tài vụ;
- Lưu :VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Hồng Lương

Đơn vị: Trường TH Nguyễn Du

Chương: 622

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ IV/2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

DVT: Triệu đồng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Nguyễn Du công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV/2025 như sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	-	-	0,00%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	0,00%	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	0,00%	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	0,00%	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		8.510		
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.746	4.472	32,53%	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.024	4.038	31,00%	

Văn Quán, Ngày 08 tháng 1 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị

Người lập biểu

Phí Thị Huyền



Ngô Thị Hồng Lương

BẢNG ĐOỊ CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 4 năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Kinh phí không tự chủ - Không giao khoán	12	072					4.038.628.172	8.523.559.446	4.038.628.172	8.523.559.446
Lương theo ngạch, bậc			6001				782.833.500	3.206.678.766	782.833.500	3.206.678.766
Phụ cấp chức vụ			6101				5.933.224	33.104.510	5.933.224	33.104.510
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				264.260.787	1.093.056.433	264.260.787	1.093.056.433
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				2.270.539	8.639.247	2.270.539	8.639.247
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề			6115				170.884.964	696.229.551	170.884.964	696.229.551
Các khoản hỗ trợ khác			6199				2.606.120.000	2.606.120.000	2.606.120.000	2.606.120.000
Bảo hiểm xã hội			6301				167.939.060	689.200.290	167.939.060	689.200.290
Bảo hiểm y tế			6302				28.789.572	118.148.683	28.789.572	118.148.683
Kinh phí công đoàn			6303					32.999.089		32.999.089
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				9.596.526	39.382.877	9.596.526	39.382.877
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ			6404							
Kinh phí giao tự chủ, giao khoán	13						4.472.114.592	13.672.479.000	4.472.114.592	13.672.479.000
Lương theo ngạch, bậc			6001				1.393.986.600	5.649.797.694	1.393.986.600	5.649.797.694
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6051				115.408.800	232.081.200	115.408.800	232.081.200
Phụ cấp chức vụ			6101				10.563.776	58.272.490	10.563.776	58.272.490
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				470.570.558	1.925.775.013	470.570.558	1.925.775.013
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				4.047.461	15.228.753	4.047.461	15.228.753
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề			6115				304.343.577	1.226.746.364	304.343.577	1.226.746.364

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Thường thường xuyên	13	072	6201					70.434.000		70.434.000
Thường khác			6249				6.400.000	6.400.000	6.400.000	6.400.000
Bảo hiểm xã hội			6301				319.253.000	1.254.906.620	319.253.000	1.254.906.620
Bảo hiểm y tế			6302				54.729.078	215.126.821	54.729.078	215.126.821
Kinh phí công đoàn			6303					59.754.552		59.754.552
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				18.243.015	71.708.936	18.243.015	71.708.936
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ			6404				1.078.175.674	1.078.175.674	1.078.175.674	1.078.175.674
Tiền điện			6501					104.462.751		104.462.751
Tiền nước			6502					45.954.000		45.954.000
Tiền vệ sinh, môi trường			6504				5.891.793	72.977.172	5.891.793	72.977.172
Văn phòng phẩm			6551				18.961.002	34.499.696	18.961.002	34.499.696
Khoản văn phòng phẩm			6553					30.450.000		30.450.000
Thuế bao kênh vệ tinh; thuế bao cấp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng			6605					5.849.880		5.849.880
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện			6608					4.270.900		4.270.900
Thuế lao động trong nước			6757				122.000.000	494.300.662	122.000.000	494.300.662
Các thiết bị công nghệ thông tin			6912				54.012.058	83.921.558	54.012.058	83.921.558
Tài sản và thiết bị văn phòng			6913					750.000		750.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			6949				347.771.000	642.907.000	347.771.000	642.907.000
Các thiết bị công nghệ thông tin			6956				36.900.000	48.400.000	36.900.000	48.400.000
Chi mua hàng hóa, vật tư			7001				45.297.000	127.999.664	45.297.000	127.999.664
Chi khác			7049				14.715.200	41.531.600	14.715.200	41.531.600
Chi các khoản phí và lệ phí			7756				6.500.000	25.451.000	6.500.000	25.451.000
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện			7757				5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000
Chi các khoản khác			7799				38.845.000	38.845.000	38.845.000	38.845.000
Quý tiền thưởng	18						930.606.340	930.606.340	930.606.340	930.606.340
Thường thường xuyên			6201				930.606.340	930.606.340	930.606.340	930.606.340

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Cộng							9.441.349.104	23.126.644.786	9.441.349.104	23.126.644.786

Phần DVSDNS ghi:

[illegible]

KHO BÁC NHÀ NƯỚC

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán

Kê toán trường
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Phí Thị Huyền

Ngô Thị Hồng Lương



Văn Quán, ngày 8 tháng 1 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai quyết toán thu, chi ngân sách quý IV năm 2025

căn cứ thông tư 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/09/2020 của bộ giáo dục và đào tạo ban hành điều lệ trường tiểu học.

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính “Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị quyết toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ”; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị quyết toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số 20/QĐ-THND ngày 08/01/2026 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách quý IV năm 2025

Trường tiểu học Nguyễn Du thông báo về việc niêm yết công khai việc công bố công khai quyết toán ngân sách quý IV năm 2025

- Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Thanh tra nhân dân, Văn thư.
- Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng trường, bảng tin, trang thông tin điện tử của nhà trường.
- Thời gian niêm yết: Từ ngày 10/01/2026 đến hết ngày 15/04/2026
- Tổng số ngày niêm yết: 96 ngày
- Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 10/01/2026 đến hết ngày 15/04/2026
- Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường. (c1nguyendu-hadong@hanoiedu.vn)
- Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: chậm nhất là ngày 20/04/2026

Nơi nhận:

- Phòng kế toán tài vụ;
- Lưu :VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Hồng Lương